

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt (bổ sung) Kế hoạch sử dụng đất**  
**năm 2019 huyện Cẩm Xuyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 14/5/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2019;

Xét đề nghị của UBND huyện Cẩm Xuyên tại Tờ trình số 1525/TTr-UBND ngày 02/7/2019; của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1949/TTr-STMMT ngày 04/7/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt (bổ sung) Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Cẩm Xuyên, như sau:**

1. Danh mục các công trình, dự án (bổ sung) thực hiện trong năm 2019

- Tên dự án: Xây dựng khu dân cư tại nút giao thông đường tránh Quốc lộ 1A;

- Địa chỉ: Thôn Đông Hạ, Tam Đông, Tam Trung, Yên Khánh, xã Cẩm Vịnh;

- Diện tích quy hoạch: 24,35ha;

- Diện tích tăng thêm: 24,35ha;

- Sử dụng từ loại đất trồng lúa (LUA): 24,35ha.

- Căn cứ thực hiện: Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 14/5/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2019.



2. Tổng hợp số liệu sau khi điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2019

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>63.646,70</b>	<b>63.646,70</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>49.402,67</b>	<b>49.378,32</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	11.266,76	11.242,41
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>10.915,72</i>	<i>10.891,37</i>
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	346,48	346,48
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.112,63	1.112,63
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.647,18	4.647,18
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	12.701,66	12.701,66
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	12.028,43	12.028,43
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	6.620,66	6.620,66
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	641,99	641,99
1.8	Đất làm muối	LMU	12,12	12,12
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	371,25	371,25
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>12.432,75</b>	<b>12.457,10</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	59,23	59,23
2.2	Đất an ninh	CAN	58,68	58,68
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	43,46	43,46
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	219,56	219,56
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	49,72	49,72
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	34,68	34,68
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.884,98	3.884,98
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,81	1,81
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,48	0,48
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	32,96	32,96
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.702,66	1.727,01
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	492,68	492,68
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	58,66	58,66
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,83	0,83
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		

2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	16,56	16,56
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	714,22	714,22
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	30,41	30,41
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	39,30	39,30
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	19,23	19,23
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	42,75	42,75
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.166,75	1.166,75
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	3.749,20	3.749,20
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	13,94	13,94
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>1.811,28</b>	<b>1.811,28</b>

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Đối với Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND-UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, phó VP (theo dõi nông lâm);
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>2</sub>.

*(Handwritten signature)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Sơn**